

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 432/2022/DS-PT

Ngày: 29-6-2022

V/v: V/v “tranh chấp quyền sử dụng đất,  
chia thừa kế quyền sử dụng đất và yêu  
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng  
đất”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Tuấn Vinh

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đắc Minh

Bà Trần Thị Thu Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký viên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:**

Bà Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20, 23 và 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, chia thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 900/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Anh Lê Bình Nhựt T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp Tân An, xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số A, khu 1, thị trấn Trà Ôn,

huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn anh Lê Bình Nhứt T và bà Nguyễn Thị V là: Ông Lâm Văn K, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số B khu dân cư MeTro, đường 3/2, khu vực 5, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2015, ngày 19/11/2015 và ngày 22/3/2021, có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Bình T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số A, khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Bình T là: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số Q2, đường Trần Phú, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2020, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số A, khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Ông Lê Văn A, sinh năm 1967 (chết ngày 07/6/2019).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn A:

2.1. Bà Võ Thị Th, sinh năm 1965 (xin vắng mặt).

2.2. Chị Lê Băng Nh, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

2.3. Anh Lê Tấn L, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3. Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long; Trụ sở cơ quan: Số 42B, đường Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật của Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long có: Ông Nguyễn Văn Hiếu – Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long (có văn bản xin vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

Bà Trần Thị X, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Khu 10A, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/9/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và anh Lê Bình Nhựt T (do ông Lâm Văn K làm đại diện hợp pháp) trình bày:

Ông Lê Bình T\* (chết năm 2011) và bà Nguyễn Thị V có diện tích 2.600m<sup>2</sup> tại thửa 239, loại đất lúa, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long do vợ chồng ông T\* và bà V mua trước năm 1990. Đến ngày 15/12/1990 ông T\* được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, do không có điều kiện canh tác nên vợ chồng bà V cho mẹ ruột của ông T\* là cụ Trương Thị H mượn đất để canh tác. Đến năm 2010, cụ H chết do ông T ở chung với cụ H nên tiếp tục canh tác thửa đất 239 không trả lại gia đình ông T\* mà cho ông Lê Văn Á thuê.

Đối với phần đất thừa kế: Cụ Ông T1 (chết năm 1995) và vợ là cụ Trương Thị H (chết năm 2010) có 02 con là ông Lê Bình T\* và ông Lê Bình T. Ông T\* (chết năm 2011) có vợ là bà Nguyễn Thị V và con là anh Lê Bình Nhựt T. Cụ Tĩnh và cụ H chết không để lại di chúc. Di sản vợ chồng cụ Tĩnh, cụ H để lại gồm: Thửa 246, diện tích 3.190m<sup>2</sup> loại đất lúa, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và thửa 111 diện tích 254,3m<sup>2</sup>, loại đất ở tại đô thị, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Thửa đất 246 do cụ Tĩnh được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/12/1990. Thửa 111 cụ Tĩnh được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/3/1991. Sau khi cụ H chết, ông T cùng vợ là bà H1 có cất một căn nhà xây tường cấp 4 trên thửa đất 111 để ở. Riêng thửa 246 đất ruộng thì cho ông Lê Văn Á thuê.

Bà V và anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Bình T trả lại phần đất diện tích 2.600m<sup>2</sup>, loại đất lúa, thửa số 239, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa số 246 diện tích 3.190m<sup>2</sup>, loại đất lúa và thửa số 111 diện tích 254,3m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CD 216685; số vào sổ CS07166 do Sở Tài nguyên và

Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 18/3/2016 cho ông Lê Bình T và bà Nguyễn Ngọc H diện tích 254,3m<sup>2</sup>, loại đất ở tại đô thị, thửa số 111, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Bà V và anh T đồng ý giá đất thửa 239 và thửa 246 theo biên bản định giá của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn là 60.000đ/1m<sup>2</sup> để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án, không yêu cầu định giá lại. Riêng thửa đất số 111 bà V và anh T thống nhất giá 11.584.000đ/1m<sup>2</sup> để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tất cả các tài sản gắn liền trên thửa đất số 111 bà V và anh T xác định là của ông T nên không yêu cầu định giá.

*- Tại đơn phản tố ngày 17/4/2019 các lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Bình T (do ông Nguyễn Tấn Đ làm đại diện hợp pháp) trình bày:*

Thửa đất ruộng số 239 do ông T\* đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất này có nguồn gốc của cụ Tĩnh và cụ H nói miệng cho ông T\* vào năm 1990. Năm 1995 ông T\* và bà V thỏa thuận bán cho bà Trần Thị X với giá 20 chỉ vàng 24k, bà X đưa cọc trước 06 chỉ vàng 24k. Do đất ông bà để lại nên cụ H và ông T không cho ông T\* bán cho người ngoài và phát sinh tranh chấp. Sau đó ông T xin bà X cho chuộc lại thửa đất 239 và nhờ ban nhân dân ấp Mỹ Lợi hòa giải. Tại phiên hòa giải bà X đồng ý nhận lại 06 chỉ vàng 24k do ông T giao trả. Lúc này ông T có trả thêm cho ông T\* và bà V 14 chỉ vàng 24k để nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 239. Sau khi trả đủ vàng thì ông T\* giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất cho ông T canh tác từ năm 1995 cho đến nay, vì là anh em nên chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Sau khi ông T\* chết. Năm 2011 ông T kê khai đo đạc theo chương trình Vlap thành thửa mới là 101 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông T không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của bà V và anh T. Ngày 17/4/2019, bị đơn ông Lê Bình T có đơn phản tố yêu cầu công nhận cho ông T được quyền sử dụng thửa 101-3 (thửa cũ 239) diện tích 2.461,7m<sup>2</sup> loại đất lúa, tờ bản đồ số 21 (tờ bản đồ cũ số 07) tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Đối với phần đất tranh chấp thừa kế: Nguồn gốc thửa đất số 111 là của cụ

Ông T1 (chết năm 1995) và vợ là cụ Trương Thị H (chết năm 2010) do cụ Ông T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào năm 1990, cụ Tỉnh có cho ông T\* khoảng 125m<sup>2</sup> sau khi được cho ông T\* đã tách thửa đứng tên là thửa 123 và cất nhà ở, sau khi ông T\* chết, bà V và anh T đã bán nhà và đất này cho người khác. Diện tích còn lại 254,3m<sup>2</sup> tại thửa 111 có căn nhà của cụ Tỉnh và cụ H trên đất ông T là con út sống chung, nên cụ Tỉnh và cụ H cho ông T nhà và đất này, đến năm 2012 ông T tháo dỡ toàn bộ căn nhà của cụ Tỉnh và cụ H để xây dựng nhà mới ở cho đến nay. Năm 2010 cụ H chết, năm 2011 khi đó đặc theo chương trình VLap ông T làm đơn xin cấp lại quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/6/2011. Sau đó ông T làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp lại cho ông T và bà H1 vào ngày 18/3/2016 tại thửa 111 diện tích 254,3m<sup>2</sup>. Trên thửa 111 có căn nhà cấp 4 do ông T xây năm 2012, hiện nay ông T và bà H1 đang sử dụng để ở. Đối với thửa 246 diện tích 3.190m<sup>2</sup> do cụ Tỉnh đứng tên. Vào năm 1990, cụ Tỉnh và cụ H cho ông T thửa 246 diện tích 3.190m<sup>2</sup> sử dụng để nuôi cha mẹ chứ không cho đất ông T\*. Do đó ông T không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà V và anh T. Vì thửa đất 246 và thửa đất 111 ông T được cụ Tỉnh và cụ H cho vào năm 1990, cùng với thời điểm năm 1990 cụ Tỉnh và cụ H cho đất ông T\*.

Ông T đồng ý giá đất thửa 239 và thửa 246 theo biên bản định giá của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn là 60.000đ/1m<sup>2</sup> để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án, không yêu cầu định giá lại thửa 239 và 246. Ông T đồng ý giá đất thửa 111 là 11.584.000đ/1m<sup>2</sup> để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tất cả các tài sản gắn liền trên thửa đất số 111 là của ông T nên không yêu cầu định giá.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc H trình bày:*

Bà H1 thống nhất theo ý kiến của ông Lê Bình T. Bà H1 không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Bà yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

*- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn Á là bà Võ Thị Th, chị Lê Bằng Nh và anh Lê Tấn L trình bày:*

Vào năm 2005, ông Ân có thuê của ông T thửa 239 diện tích 2.600m<sup>2</sup> và thửa 246 diện tích 3.190m<sup>2</sup>. Tổng cộng thuê diện tích 5.790m<sup>2</sup> đất lúa, thời gian thuê là 15 năm, giá thuê 1 công 20 gia lúa/năm được quy ra thành tiền để ông Ân trả cho ông T, việc thuê đất chỉ thỏa thuận miệng không lập hợp đồng, đến ngày 07/6/2019 ông Ân chết nên đất hiện tại do vợ và các con của ông Ân là bà Th, chị Nh và anh Luật đang sử dụng. Bà Th, chị Nh và anh Luật không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Khi Tòa án giải quyết giao đất cho ai thì bà Th, chị Nh và anh Luật sẽ trả lại đất cho người đó. Bà Th, chị Nh và anh Luật xin vắng mặt không tham tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Tại công văn số: 461/CV-STNMT ngày 07/02/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long có ý kiến:* Thực hiện đo đạc theo Nghị định 60/CP, ngày 05/7/1994 của Chính phủ ông Lê Bình T kê khai đăng ký thửa 111, tờ bản đồ số 18 diện tích 254,3m<sup>2</sup> mục đích sử dụng đất ở tại đô thị. Ngày 16/6/2011, ông T được UBND huyện Trà Ôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 796183. Ngày 16/6/2015, hộ ông Lê Bình T làm “Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” thửa 111, tờ bản đồ số 18 diện tích 254,3m<sup>2</sup> mục đích sử dụng đất ở tại đô thị. Lý do: Xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu mới. Ý kiến của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Trà Ôn: Đồng ý cấp đổi theo Điều 76, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Ngày 18/3/2016, hộ ông Lê Bình T được Sở Tài nguyên và Môi Trường cấp Giấy chứng nhận số CD 216685, thửa 111, tờ bản đồ số 18 diện tích 254,3m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, tọa lạc khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ ông Lê Bình T tại thửa 111 ngày 18/3/2016 là thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1 Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường. Ngày 02/11/2020, Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long có

văn bản xin được vắng mặt không tham tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2021 người làm chứng bà Trần Thị X trình bày:*

Vào khoảng năm 1995 bà có nhận chuyển nhượng của ông Lê Bình T\* và bà Nguyễn Thị V thửa đất số 239, diện tích khoảng 2.600m<sup>2</sup>, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long với giá 20 chỉ vàng 24k. Bà có làm giấy tay đưa cọc trước 06 chỉ vàng 24k hai bên thỏa thuận khi nào cắt lúa xong sẽ trả đủ vàng và nhận đất. Nhưng đến khi cắt lúa xong phía cụ H là mẹ của ông T\* và ông T là em của ông T\* ngăn cản không cho ông T\* chuyển nhượng. Do bị ngăn cản nên ông T\* và bà V không chuyển nhượng được đất cho bà. Ông T và cụ H kiện bà đến ấp Mỹ Lợi hòa giải. Tại phiên hòa giải của ấp ông T là người trực tiếp giao trả lại cho bà nhận 06 chỉ vàng 24k mà trước đó bà đã đặt cọc cho ông T\* để mua đất. Do nhận lại đủ 06 chỉ vàng 24k nên bà không tiếp tục nhận chuyển nhượng đất của ông T\* và bà V. Bà xác định lời trình bày tại biên bản xác minh ngày 27/7/2016 là đúng do bà nhận trực tiếp 06 chỉ vàng 24k từ chính tay ông T giao cho bà, còn lời khai ngày 20/3/2019 là chưa chính xác vì bà nghĩ cụ Tư Hoa là mẹ của ông T có quyền nên bà mới khai như vậy. Bà xin vắng mặt không tham gia đối chất và xin vắng mặt không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Bình Nhựt T, Nguyễn Thị V và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Bình T:

- Buộc ông Lê Bình T, bà Nguyễn Ngọc H và ông Lê Văn Â trả lại cho bà Nguyễn Thị V và anh Lê Bình Nhựt T diện tích 2.461,7m<sup>2</sup>, loại đất 2L, thửa số 239 thửa mới 101-3 do ông Lê Bình T\* đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A251491 cấp ngày 15/12/1990, đất tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

(theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 05/9/2017).

- Buộc bà Nguyễn Thị V và anh Lê Bình Nhựt T trả lại cho ông Lê Bình T, bà Nguyễn Ngọc H số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị V và anh Lê Bình Nhựt T:

2.1. Buộc ông Lê Bình T và bà Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm chia cho bà Nguyễn Thị V và anh Lê Bình Nhựt T hưởng phần thừa kế của ông Lê Bình T\* được chia di sản thừa kế của cụ Ông T1 và cụ Trương Thị H, tổng trị giá bằng tiền là 487.903.133 đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu chín trăm lẻ ba nghìn một trăm ba mươi ba đồng).

2.2. Giao cho ông Lê Bình T và bà Nguyễn Ngọc H được quyền sử dụng diện tích 254,3m<sup>2</sup>, loại đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 111, tờ bản đồ số 18 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 18/3/2016 cho ông Lê Bình T và bà Nguyễn Ngọc H. (theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 05/9/2017).

2.3. Giao ông Lê Bình T và bà Nguyễn Ngọc H được quyền sử dụng thửa 246 thửa mới 101-1 và 101-2 diện tích là 3.203,5m<sup>2</sup>, loại đất 2L, đất tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. (theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 05/9/2017)

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và anh Lê Bình Nhựt T yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CD 216685; sổ vào sổ CS07166 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 18/3/2016, diện tích 254,3m<sup>2</sup>, loại đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 111, tờ bản đồ số 18 cho ông Lê Bình T và bà Nguyễn Ngọc H.

4. Các đương sự có trách nhiệm kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

*Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 120/2020/DS-PT ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*



Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn; Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:***

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và anh Lê Bình Nhựt T về việc:

- Yêu cầu ông Lê Bình T trả thừa đất 101-3 (thửa cũ 239) diện tích 2.461,7m<sup>2</sup> loại đất lúa tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bằng tiền theo giá trị 60.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Yêu cầu ông Lê Bình T chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị V và anh Lê Bình Nhựt T nhận 50% giá trị bằng tiền của thửa 101-1+101-2 (thửa cũ 246) diện tích 3.203,5m<sup>2</sup> loại đất lúa giá 60.000đ/1m<sup>2</sup> và thửa 111-1+111-2 diện tích 254,3m<sup>2</sup> loại đất ở đô thị giá 11.584.000đ/1m<sup>2</sup>.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CD 216685; sổ vào sổ CS07166 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 18/3/2016 cho ông Lê Bình T và bà Nguyễn Ngọc H diện tích 254,3m<sup>2</sup>, loại đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 111, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Bình T:

Công nhận cho ông Lê Bình T được quyền sử dụng thửa 101-3 diện tích 2.461,7m<sup>2</sup> loại đất lúa, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (theo Trích đo bản đồ địa chính hiện trạng khu đất phục vụ công tác xét xử của Tòa án do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn lập ngày 05/9/2017).

3. Công nhận cho ông Lê Bình T được quyền sử dụng thửa 101-1+101-2, diện tích 3.203,5m<sup>2</sup> loại đất lúa, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (theo Trích đo bản đồ địa chính hiện trạng

khu đất phục vụ công tác xét xử của Tòa án do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn lập ngày 05/9/2017).

4. Công nhận cho ông Lê Bình T và bà Nguyễn Ngọc H được quyền sử dụng thửa 111-1+111-2, diện tích 254,3m<sup>2</sup> loại đất ở đô thị, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại Khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (theo Trích đo bản đồ địa chính hiện trạng khu đất phục vụ công tác xét xử của Tòa án do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn lập ngày 05/9/2017).

5. Các đương sự có trách nhiệm kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 01-12-2021, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Đối với phần đất tại thửa 239 có diện tích 2.600m<sup>2</sup>, ông T\*, bà V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1990, việc ông T cho rằng đã chuộc lại từ bà X khi ông T\* bán đất cho bà X nhưng không có giấy tờ chứng minh, do đó nguyên đơn không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: Công nhận cho ông T quyền sử dụng đất nói trên.

Đối với yêu cầu chia thừa kế: Phần đất thửa 111 loại đất ở đô thị có diện tích 254,3 m<sup>2</sup> và thửa 246 diện tích 3.190 m<sup>2</sup> loại đất lúa thuộc quyền sử dụng của cụ Ông T1 và cụ Trương Thị H, cụ Tĩnh và cụ H chết không để lại di chúc. Bị đơn trình bày được cho ( bằng miệng) và kê khai di sản thừa kế không đúng sự thật - kê khai chỉ một mình ông T là người được hưởng thừa kế, bản án sơ thẩm cho rằng thực tế bị đơn được cụ Tĩnh và cụ H cho và khi làm thủ tục sang tên có niêm yết công khai nhưng không có ai phản đối nên bác yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật. Đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

*Phía bị đơn trình bày:*

Ông T đã bỏ ra 06 chỉ vàng để chuộc lại thửa đất 239 do đó ông T\* đã giao cho ông T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời ông T đã quản lý phần đất này 16 năm, khi ông T\* còn sống không có ai tranh chấp. Do đó bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp.

Đối với yêu cầu chia thừa kế: Khi còn sống cụ Tĩnh và cụ H sống với ông T là con út và đã cho ông T phần đất lúa thửa 246, ông T có kê khai nhưng chưa được cấp giấy; đối với phần đất thuộc thửa 111 diện tích 254 m<sup>2</sup>, khi ông T làm thủ tục kê khai thừa kế, có làm thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và đã xây nhà trên đất nhưng không có ai phản đối vì trước đó cụ Tĩnh và cụ H đều cho ông T\* và ông T mỗi người một phần đất riêng biệt. Do đó đề nghị y án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tuân thủ quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế 02 thửa đất 246 và 111 thành 03 phần, trong đó bị đơn là người có công chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ khi còn sống và gìn giữ khối di sản nên được hưởng 1 phần công sức; còn 2 phần di sản chia cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người được hưởng 1 kỷ phần thừa kế. Nguyên đơn yêu cầu được nhận bằng giá trị nên đề nghị xem xét chấp nhận.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về công nhận thửa đất 239 cho bị đơn được quyền sử dụng, bị đơn phải thanh toán giá trị còn thiếu sau khi trừ 6 chỉ vàng 24K đã trả theo giá đất tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bà Nguyễn Ngọc H, bà Võ Thị Th, chị Lê Băng Nh, anh Lê Tấn L và đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả lại thửa đất 239 và phần tố của bị đơn về công nhận quyền sử dụng thửa đất này cho bị đơn:

Nguyên đơn trình bày: Thửa đất số 101-3 (thửa cũ 239) có diện tích 2.461,7m<sup>2</sup>, ông T\* đã được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/12/1990, nên yêu cầu bị đơn cùng người thuê trả lại thửa đất.

Bị đơn - ông T cho rằng ông T\* chuyển nhượng cho bà X thửa đất trên với giá 20 chỉ vàng 24K, sau đó ông T chuộc lại quyền sử dụng thửa đất 239 với giá 20 chỉ vàng 24k, ông T thay mặt ông T\* trả cho bà X 06 chỉ vàng 24K đặt cọc và đã giao 16 chỉ vàng còn lại cho ông T\* được thể hiện tại biên bản lấy lời khai bà X ngày 07/5/2021 (bút lục 567); ông T\* đã giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, ông T đã cho ông Ân thuê một thời gian dài nhưng phía ông T\* không phản đối, do đó bị đơn đề nghị công nhận quyền sử dụng đất này cho bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với Thửa 101-3 (thửa cũ 239) diện tích 2.461,7m<sup>2</sup> loại đất lúa, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long ông T\* đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1990; ông T khai ông T\* đã bán đất cho bà X sau đó ông đã chuộc lại, ông đã nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính, nhận ruộng canh tác và cho thuê một thời gian dài tuy nhiên phía nguyên đơn không thừa nhận việc này mà cho rằng đất để cho mẹ ông T\* là bà Hoa canh tác, sau đó bà Hoa cho ông T ( là con đẻ) canh tác và cho thuê, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là nhờ bà Hoa giữ

giùm.

Xét thấy, không có chứng cứ chứng minh ông T\* bán đất cho bà X, lời thừa nhận của bà X chỉ là quan hệ song phương giữa ông T và bà X tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai, bà X cũng chỉ xác nhận nội dung ông T\* bán đất cho bà giá 20 chỉ bà đã giao cho ông T\* 06 chỉ, sau đó ông T và bà Hoa kiện và hòa giải tại Ấp Mỹ Lợi để chuộc lại và bà đã nhận lại 06 chỉ vàng từ ông T chứ không có sự thừa nhận nội dung ông T\* chấp nhận chuyển nhượng đất cho ông T, mặt khác không có chứng cứ nào chứng minh ông T\* đã nhận vàng của bà X và ông T. Việc ông T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như canh tác trên đất cũng không chứng minh có sự chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T\* và bà X sau đó chuyển nhượng cho ông T trong T hợp này.

Mặt khác, nếu trong T hợp có sự chuyển nhượng như trình bày của bị đơn thì việc chuyển nhượng cũng không tuân thủ các quy định về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất về mặt hình thức, không đủ điều kiện để công nhận hợp đồng chuyển nhượng theo Nghị quyết 02/2004 của Hội đồng thẩm phán, không chứng minh được ông T\* đã nhận tiền chuyển nhượng, do đó yêu cầu phản tố công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này của ông T là không có cơ sở để chấp nhận; yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả lại thửa đất này là có căn cứ để chấp nhận, ý kiến của kiểm sát viên về nội dung này không được chấp nhận.

2.2 Đối với tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản là thửa đất số 11 và 246 của cụ Tỉnh và cụ H để lại:

Hồ sơ vụ án thể hiện trước khi chết, cụ Tỉnh và cụ H có 02 thửa đất gồm: I/ Thửa đất diện tích 3.190m<sup>2</sup>, loại đất lúa, số 246, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;

II/ Thửa đất diện tích 379m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, số 111, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Năm 1995 cụ Tỉnh mất, năm 2010 cụ H mất, cả hai cụ trước khi chết đều không để lại di chúc; có 2 người con là Lê Bình T\* và Lê Bình T. Năm 2011:

Ông T\* chết, người thừa kế của ông T\* là bà Nguyễn Thị V (vợ) và anh Lê Bình Nhựt T (con).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với di sản là thửa đất 111 ( số thửa cũ là 81) có diện tích 254,3m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị. Năm 2011 khi cụ H mất, ông T kê khai ông là thừa kế duy nhất của cụ Tĩnh và cụ H ( BL 507) để được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/6/2011 là không đúng quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền hưởng thừa kế của ông T\*.

Đối với di sản là thửa đất 246 ( số thửa mới là 101-1 +101-2) có diện tích 3.190m<sup>2</sup> loại đất 2L đo đạc thực tế là 3.203,5m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 15/12/1990, vẫn do cụ Tĩnh đứng tên.

Cả hai thửa đất 246 và 111, cụ Tĩnh và cụ H đều không để lại di chúc nên cần xác định là di sản của hai cụ để lại, được chia thừa kế theo pháp luật theo quy định tại Điều 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tĩnh và cụ H là ông T\* và ông T, theo luật định di sản sẽ được chia thành hai phần bằng nhau, tuy nhiên:

Xét, bị đơn là người có công chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ khi còn sống và là người gìn giữ khối di sản nên được hưởng thêm một kỷ phần thừa kế, do đó di sản sẽ được chia thành ba phần: Ông T được hưởng hai phần, ông T\* được hưởng một phần. Do nguyên đơn yêu cầu chia giá trị, phía ông T là người đang quản lý di sản và không phản đối, các bên thống nhất lấy giá do Hội đồng định giá cấp sơ thẩm định giá để giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn. Cụ thể:

Di sản của cụ Tĩnh và cụ H được chia như sau: Giá trị thừa kế cụ Tĩnh, cụ H để lại = Giá trị thửa đất I + giá trị thửa đất II.

Phần thừa kế ông T\* được hưởng = ( 3.190m<sup>2</sup> x 60.000đ/m<sup>2</sup>) + ( 254,3m<sup>2</sup> x 11.584.000đ/m<sup>2</sup>)/ 3 = 1.046.007.066 đ.

Bị đơn được hưởng 02 phần, nguyên đơn hưởng 01 phần thừa kế bằng giá trị là 1.046.007.066 đ theo yêu cầu. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nói trên, sau khi thanh toán xong, bị đơn được quyền liên hệ với cơ

quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai để được cấp quyền sử dụng đất thửa 246. Do bị đơn được nhận thừa kế bằng tài sản trong đó có thửa đất 111 nên việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 111 đã cấp cho bị đơn là không cần thiết.

Bản án sơ thẩm nhận định khi còn sống cụ Tĩnh và cụ H đã chia đất xong cho con là ông T\* thửa 239 và thửa 123; cho ông T thửa 246 và thửa 111, nên sau khi chết không còn di sản để chia, từ đó bác yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo về yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 111 và 246:

+ Nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị được hưởng 1.046.007.006đ là 43.380.210đ.

+ Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị được hưởng: 2 x 1.046.007.006đ là 73.840.280đ.

- Đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa số 239: Do không được chấp nhận phản tố nên bị đơn phải chịu 300.000đ án phí không có giá ngạch.

Đối với các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;*

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm số 17/2021/DSST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

*Điều 131, các điều từ Điều 705 đến Điều 707 và Điều 711 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 của Luật Đất đai năm 1993 và khoản 1 Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 127, khoản 1 Điều 146 của Luật Đất đai năm 2003,*

*Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Buộc bị đơn - ông Lê Bình T và những người đang canh tác - bà Võ Thị Th, chị Lê Băng Nh và anh Lê Tấn L trả lại quyền sử dụng đất Thửa 101-3 (thửa cũ 239) diện tích 2.461,7m<sup>2</sup> loại đất lúa, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cho nguyên đơn anh Lê Bình Nhựt T và bà Nguyễn Thị V. (Theo Trích đo bản đồ địa chính hiện trạng khu đất phục vụ công tác xét xử của Tòa án do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn lập ngày 05/9/2017)

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế bằng giá trị thửa đất 101-1 + 101-2 (thửa cũ 246) và thửa 111 - 1 + 111-2:

+ Bị đơn có nghĩa vụ giao cho nguyên đơn ông Lê Bình T\* giá trị phần thừa kế nguyên đơn được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 1.046.007.006đ.

+ Giao cho bị đơn quyền sử dụng đất thửa đất 101-1 + 101-2 (thửa cũ 246) diện tích là 3.203,5m<sup>2</sup>, loại đất 2L, đất tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 05/9/2017), và thửa 111-1+111-2 diện tích 254,3m<sup>2</sup> loại đất ở đô thị tọa lạc tại Khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 216685; số vào sổ CS07166 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 18/3/2016 cho ông Lê Bình T và bà Nguyễn Ngọc H diện tích 254,3m<sup>2</sup>, loại đất ở tại đô thị, thửa số 111, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khu 1, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.



- Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nêu trên, bị đơn được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai đối với thửa đất số 101-1 + 101-2 (thửa cũ 246) diện tích là 3.203,5m<sup>2</sup>, loại đất 2L, đất tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất 101-3 (thửa cũ 239) diện tích 2.461,7m<sup>2</sup> loại đất lúa, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Bình Nhựt T và bà Nguyễn Thị V phải chịu 43.380.210đ. Khấu trừ số tiền 2.667.500 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013306 ngày 13/10/2016 và biên lai thu số 0013643 ngày 02/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ông T và bà V còn phải nộp 40.712.710đ ( Bốn mươi triệu bảy trăm mười hai ngàn bảy trăm ).

Ông Lê Bình T phải chịu 73.840.280 đồng. Khấu trừ số tiền 3.500.000 đồng ( Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001303 ngày 17/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ông T còn phải nộp 70.340.280đ ( Bảy mươi triệu ba trăm bốn mươi ngàn hai trăm tám mươi đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Bình Nhựt T và bà Nguyễn Thị V không phải chịu; hoàn lại cho mỗi người 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu số 0000038 và 0000039 ngày 10-12-2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TpHCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VT,(HKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Tuấn Vinh**